

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẢO LỘC  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-7-2017  
V/v: Ly hôn giữa bà T và ông  
T.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cầm Văn Nam
2. Ông Hoàng Xuân Ty

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Xuân Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Ánh T**, sinh ngày 10/4/1982. Nơi cư trú: Số nhà 267 đường T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Đăng T**, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số nhà 267 đường T, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2017 và trong quá trình xét xử cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị Ánh T trình bày:* Bà và ông Nguyễn Đăng T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đambri, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 20/11/2000. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bản thân bà nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Những năm gần đây mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do bất

đồng quan điểm sống, ông T rất gia trưởng, những lần cãi vả ông T không cho bà lên tiếng và không được phép cãi lại, nếu tranh cãi dù đúng hay sai thì ông T cũng đe dọa, cầm dao đòi chém bà nhiều lần khiến bà phải bỏ chạy, thậm chí có lần còn bóp cổ bà; nên tinh thần bà suy sụp, luôn thấy bị uy hiếp, cuộc sống mệt mỏi. Ngoài ra ông T cũng không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng đã ly thân hơn một năm, không còn quan tâm lẫn nhau và cả hai cũng đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung. Hiện bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên Nguyễn Minh T sinh ngày 26/11/2001; Nguyễn Quỳnh Tr sinh ngày 13/10/2009 và Nguyễn Đăng Nhật Tr sinh ngày 13/02/2012. Hiện các con đang ở với vợ chồng bà. Ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T và cháu Tr, giao cháu Nhật Tr cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

*Trong quá trình xét xử bị đơn ông Nguyễn Đăng T trình bày:* Ông xác nhận việc đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà T là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, thời gian gần đây thì vợ chồng mâu thuẫn thường xuyên hơn, hay xảy ra tranh cãi và có những lời nói không hài lòng nhau. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông không muốn các con không có cha.

Về con chung: Ông xác định có ba con chung như bà T trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý theo yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của bà T.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật Hôn nhân gia đình cho bà T được ly hôn với ông T vì mục đích hôn nhân không đạt; chấp nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung của vợ chồng, giao cháu T và cháu Tr cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nhật Tr cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đăng T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Đặng Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông T hiện cư trú tại xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử động viên bà T đoàn tụ, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn, không đồng ý tiếp tục cùng ông T chung sống vì không còn tình cảm với chồng và xác định cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được. Ông T cho rằng tuy vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, ông không đồng ý ly hôn vì không muốn con không có cha. Tuy nhiên thực tế qua xác minh tại chính quyền địa phương cũng như những người làm việc tại nhà vợ chồng bà T cho biết nhiều năm nay cuộc sống của ông T, bà T thường mâu thuẫn, khoảng một năm gần đây mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn, việc cãi vã giữa hai vợ chồng cũng thường xuyên hơn, đối xử lạnh nhạt với nhau, không có sự quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, vợ chồng cũng đã tự phân chia tài sản chung. Như vậy, thực trạng hôn nhân của bà T ông T thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[4]. Ly hôn vợ chồng thống nhất bà T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh T sinh ngày 26/11/2001 và Nguyễn Quỳnh Tr sinh ngày 13/10/2009; ông T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Đăng Nhật Tr sinh ngày 13/02/2012. Xét sự thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật, đáp ứng nguyện vọng được ở với mẹ của cháu T và cháu Tr nên chấp nhận. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[5]. Bà T và ông T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp tranh chấp và có yêu cầu khởi kiện, sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về nợ chung: vợ chồng xác định không có nên không đề cập.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **1. Về hôn nhân:**

Cho ly hôn giữa bà Đặng Thị Ánh T và ông Nguyễn Đăng T.

**2. Về nuôi con chung:** Giao con chung tên Nguyễn Minh T sinh ngày 26/11/2001 và Nguyễn Quỳnh Tr sinh ngày 13/10/2009 cho bà Đặng Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Giao con chung tên Nguyễn Đăng Nhật Tr sinh ngày 13/02/2012 cho ông Nguyễn Đăng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

**3. Về án phí:** Bà Đặng Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005780 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- UBND xã Đambri, TP. Bảo Lộc, tỉnh LD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc**

*(Đã ký và đóng dấu)*

